

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2020/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 9 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Thực hiện Công văn số 5344-CV/TU ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng;*

*Thực hiện Công văn số 89/HĐND-VP ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2267/TTr-STC ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Báo cáo thẩm định số 1117/BC-STP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Sở Tư pháp.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận**

1. Số thứ tự thứ 1, 2 và 8 Phụ lục được sửa đổi, bổ sung như sau:

STT	Tên đơn vị	Số lượng	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>				
1.1	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	01	Xe bán tải	900	
1.2	Chi cục Thủy lợi	01	Xe bán tải	900	
1.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01	Xe phòng chống dịch	1.100	
1.4	Chi cục Kiểm lâm	05	Xe bán tải	900	
1.5	Ban quản lý Rừng phòng hộ đầu nguồn Hồ Tân Giang	01	Xe bán tải	900	
1.6	Ban quản lý Rừng phòng hộ đầu nguồn Krông Pha	01	Xe bán tải	900	
1.7	Ban quản lý Rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam	01	Xe bán tải	900	
1.8	Ban quản lý Khai thác các cảng cá	01	Xe bán tải	900	
1.9	Chi cục Thủy sản	01	Xe bán tải	900	
1.10	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	01	Xe bán tải	900	
1.11	Chi cục phát triển nông thôn	01	Xe bán tải	900	
1.12	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	01	Xe bán tải	900	
1.13	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh	01	Xe bán tải	900	
1.14	Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu	01	Xe bán tải	900	
1.15	Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản cấp tỉnh	01	Xe đông lạnh	1.300	
		01	Xe bán tải	900	
<b>2</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao &amp; Du lịch</b>				
2.1	Đoàn ca múa nhạc dân tộc	01	Xe 46 chỗ ngồi trở lên	3.000	
		01	Xe sân khấu lưu động	1.500	
2.2	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao	01	Xe 29 chỗ ngồi trở lên	1.600	
2.3	Thư viện tỉnh	01	Xe thư viện lưu động	1.500	

STT	Tên đơn vị	Số lượng	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
2.4	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	01	Xe 29 chỗ ngồi trở lên	1.600	
		01	Xe sân khấu lưu động	1.500	
		01	Xe bán tải hoán cải	900	
<b>8</b>	<b>Trường Cao đẳng nghề</b>				
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ	12	Xe 5 chỗ	900	Có gắn thiết bị chấm điểm tự động dùng đào tạo và sát hạch lái xe
		05	Xe tải 5 tấn trở lên	1.100	Có gắn thiết bị chấm điểm tự động dùng đào tạo và sát hạch lái xe
		01	Xe khách 29 chỗ	1.900	Có gắn thiết bị chấm điểm tự động dùng đào tạo và sát hạch lái xe
		01	Xe khách trên 45 chỗ	2.600	Có gắn thiết bị chấm điểm tự động dùng đào tạo và sát hạch lái xe
		28	Xe 5 chỗ	550	Xe tập lái (hạng B1, B2)
		10	Xe 7 chỗ	750	Xe tập lái (hạng B1, B2)
		02	Xe tải dưới 1,5 tấn	450	Xe tập lái (hạng B1, B2)
		08	Xe tải 4,5 tấn trở lên	600	Xe tập lái hạng C
		02	Xe khách 16 đến 45 chỗ	2.000	Xe tập lái hạng D, E

## 2. Bổ sung Số thứ tự thứ 22 Phụ lục như sau:

STT	Tên đơn vị	Số lượng	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng)	Ghi chú
22	Sở Khoa học và Công nghệ				
22.1	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	01	Xe bán tải	900	Chở thiết bị phục vụ công tác tập huấn, chuyển giao ứng dụng tiến bộ KHCN, kiểm tra các mô hình dự án nhân rộng khu vực nông thôn miền núi
22.2	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	01	Xe bán tải	900	Chở thiết bị, phương tiện đo chuẩn, các dụng cụ lấy mẫu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tiêu chuẩn, ĐLCL.

2. Các nội dung khác của Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận không thay đổi.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lưu Xuân Vinh**